

Cây chè là thế mạnh cần phát triển của Hoàng Liên Sơn, lãnh đạo tỉnh đã có chương trình phát triển cây chè ở Hoàng Liên Sơn. Muốn phát triển cây chè ở Hoàng Liên Sơn có hiệu quả cao cần lưu ý: xây dựng cơ bản theo đúng quy trình kỹ thuật, áp dụng TBKT vào sản xuất thâm canh chè, bố trí hợp lý vùng nguyên liệu và hợp lý hóa dây chuyền chế biến. Là một tỉnh diện tích chè ở khu vực tập thể nhiều hơn quốc doanh rất nhiều nên chính sách đối với người trồng chè và cây chè đóng vai trò quyết định số lượng và chất lượng sản phẩm cây chè.

Kể hậu và đất đai Hoàng Liên Sơn rất thích hợp cho việc phát triển cây chè.

Từ lâu Hoàng Liên Sơn đã có các loại chè nổi tiếng: Chè san Suối Giàng, Mù Cang Chải. Lượng chè của Tỉnh xuất khẩu chủ yếu sang Liên Xô (chè đen). Chè xanh của Tỉnh nếu chế biến tốt thì có thể xuất khẩu sang Xingapo, Hồng Kông, Pháp. Năng suất thu hoạch chè búp tươi của Tỉnh vào loại trung bình khá: 2,7 tấn/ha (Vĩnh Phú 2,1 tấn/ha) Bắc Thái 2,1 tấn/ha). Nếu đầu tư xây dựng cơ bản tốt, đúng quy trình kỹ thuật và thực hiện thâm canh tốt thì năng suất chè búp tươi có thể đạt từ 4 đến 6 tấn/ha, thực tế năng suất chè ở

công nông nghiệp chè Việt Nam quản lý), hàng năm chế biến khoảng 600 tấn chè búp tươi thành chè đen xuất khẩu, còn lại lượng chè búp tươi (14 000 tấn) hàng năm do Tỉnh quản lý, chế biến và tiêu thụ. Về chế biến, Tỉnh mới có 1 xí nghiệp chế biến chè xanh (Xí nghiệp chế biến chè Yên Ninh); về trồng chè Tỉnh có 4 nông trường quốc doanh; Văn Hưng, Bảo Ái, Phong Hải và Thanh Bình.

Nhận thức được vai trò của cây chè trong nền kinh tế - xã hội, UBND tỉnh Hoàng Liên Sơn đã ra quyết định thành lập Liên hiệp các xí nghiệp chè (LHCXN chè) để quản lý và kinh doanh toàn bộ cây chè của địa phương. Mới

PHÁT TRIỂN CÂY CHÈ Ở HOÀNG LIÊN SƠN

NGHIÊM PHÚ NINH

huyện Văn Chấn đã đạt 4 tấn/ha. Theo quy hoạch của Bộ nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm thì diện tích chè của Hoàng Liên Sơn sẽ đứng đầu các tỉnh trong cả nước. Đến năm 1990 diện tích chè của tỉnh sẽ lên đến 12 000 ha, trong đó quốc doanh quản lý 1500ha, còn lại do Hợp tác xã (HTX) quản lý. Diện tích chè của tỉnh mới có 8873 ha trong đó quốc doanh: 893ha. Trên đất Hoàng Liên Sơn mới có 3 xí nghiệp chế biến chè và 1 nông trường trồng chè của trung ương (thuộc Liên hiệp các xí nghiệp

đây LHCXN chè đã được quyết định trực thuộc UBND Tỉnh.

Quá trình chỉ đạo từ thâm canh, khai hoang trồng mới theo đúng kỹ thuật để áp dụng tiến bộ kỹ thuật (TBKT) vào sản xuất đang được LHCXN chè quan tâm để phát huy thế mạnh của cây chè. Một hướng nữa nhằm phát huy thế mạnh của cây chè, là hợp tác với Liên Xô thông qua Liên hiệp các xí nghiệp công nông nghiệp chè Việt Nam

Diện tích chè hợp tác với Liên Xô

Năm	1987	1988	1989	1990
+ Trồng mới (ha):	590	810	943	1150
- Quốc doanh:	60	100	125	150
- HTX	530	710	818	1000
+ Thâm canh (ha)	2559	2967	3475	4102
- Quốc doanh	309	467	700	1050
- HTX	2250	2500	2775	3052

LHCXN chè tiến hành đầu tư cho 1 ha chè thâm canh 120 rúp và thu mua thêm trên 1 ha thâm canh 1000 kg chè búp tươi mỗi năm; đầu tư cho xây dựng cơ bản (khai hoang trồng mới) 1400 Rúp/ha, sau 3 năm phải giao nộp sản phẩm. LHCXN chè Hoàng Liên Sơn nhận vốn đầu tư của Liên Xô từ 1987 đến 1990 và trả nợ từ năm 1987 đến năm 2000 thì hết.

Đề cây chè ở Hoàng Liên Sơn ngày càng được phát triển mạnh mẽ và vững chắc, phát huy thế mạnh của mình góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, theo chúng tôi một số điểm cần được lưu ý làm tốt:

— Về chất lượng sản phẩm. Nhu cầu tiêu dùng trong nước ngày càng đòi hỏi sản phẩm phải có chất lượng tốt, chất lượng sản phẩm có cao thì việc tiêu thụ sản phẩm mới dễ dàng, nhanh chóng, việc quay vòng tiến mới nhanh và có tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển. Việc ứ đọng vừa qua hàng triệu gói chè chứng tỏ chất lượng sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu. Chất lượng sản phẩm cho các sản phẩm xuất khẩu càng cần được chú ý đúng mức hơn nữa. Việc duy trì và nâng cao chất lượng sản phẩm xuất khẩu không những đảm bảo sự tín nhiệm của khách hàng mà nó còn có ý nghĩa chiếm lĩnh và mở mang thị trường, từ đó có cơ sở vật chất để tái sản xuất phát triển ngành chè địa phương và phát triển kinh tế của tỉnh. Công tác chất lượng sản phẩm vừa qua của LHCXN chưa làm tốt, nhất là ở khâu giao nộp nguyên liệu. Sự vi phạm chất lượng trong khâu này chủ yếu lại ở các nông trường quốc doanh, chất lượng nguyên liệu được giao nộp không đồng đều, có nông trường vi phạm theo số lượng nên việc hái chè thường vi phạm kỹ thuật. Theo quy định thì búp chè chỉ có 1 tôm 1 - 2 lá nhưng nông trường lại hái 1 tôm 4 - 5 lá. Việc không coi trọng quy định này dẫn đến cỏ lứa chè hái đưa về xí nghiệp chế biến bị giảm xuống không loại (Theo quy định của xí nghiệp chế biến thì xí nghiệp chỉ nhận chè tại xí nghiệp với chất lượng loại C: 80 %, D: 20 %, vì vận chuyển từ nương chè về xí nghiệp mất 24 tiếng nên chất lượng chè bị giảm xuống 1 - 2 cấp; nếu tại nương chè đã hái búp loại C, D thường giảm xuống không loại). Việc thu hoạch không đúng kỹ thuật gây nên rất nhiều khó khăn cho việc chế biến chè xanh xuất khẩu, nhất là loại chè đặc biệt chất lượng cao.

Chất lượng sản phẩm chè còn phụ thuộc vào việc quy hoạch bố trí vùng nguyên liệu. Nếu quy hoạch hợp lý, vùng nguyên liệu gần xí nghiệp chế biến thì việc vận chuyển từ nơi hái đến nơi chế biến nhanh nên chè búp tươi đỡ bị giáng cấp hơn, chất lượng chè cao hơn. Việc quy hoạch vùng nguyên liệu của tỉnh trước đây không hợp lý, cả tỉnh chỉ có 1 xí nghiệp chế biến chè xanh

nhờ vận chuyển xa, chất lượng chè bị giáng cấp gây lãng phí, thậm chí có khi phải hủy chè đã hái vì chất lượng quá xấu. Việc chế biến chè xanh đòi hỏi thời gian giữ chè từ khi hái đến khi đưa vào chế biến ngắn hơn nhiều so với chè đen (yêu cầu đối với chè xanh là 12 giờ, có quy trình kỹ thuật bảo quản chặt chẽ, không được chất đống mà phải rải trong kho với độ dày nhất định và phải đảo luôn). Năm 1987 Tỉnh hợp tác với Liên hiệp các xí nghiệp công nông nghiệp chè Việt Nam sản xuất chè đen xuất khẩu. Năm 1988 LHCXN chè của Tỉnh phải sản xuất 200 tấn chè đen xuất khẩu (100 tấn xuất trả nợ Liên Xô và Ba Lan còn 100 tấn xuất thu ngoại tệ) nhưng LHCXN phải thuê gia công chế biến, do chất lượng chè búp kém và giao nộp không đều nên ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng và kế hoạch sản xuất.

Muốn đảm bảo chất lượng sản phẩm thì việc bố trí vùng nguyên liệu, bố trí xí nghiệp chế biến cần hợp lý và đòi hỏi các cơ sở sản xuất cần thực hiện nghiêm túc quy trình kỹ thuật thâm canh, thu hái, vận chuyển và bảo quản. Ngay trong xí nghiệp chế biến cũng cần linh hoạt bố trí trong dây chuyền công nghệ vì theo quy trình công nghệ vò - sàng xẩy - sấy, khi thiết kế xây dựng mới hoặc xây dựng bổ sung thêm 1 bộ phận làm héo để khi mùa mưa, thu hoạch dồn dập, chè hái đã qua héo thì chất lượng mới bảo đảm.

Mặt khác, do diện tích chè quốc doanh, trồng rất ít nên việc thu mua và bố trí lịch giao nộp sản phẩm phải hợp lý, có chính sách đối lưu thỏa đáng với việc người trồng chè ở các HTX đề họ toàn tâm toàn ý, tự giác giao nộp sản phẩm chất lượng cao, chính sách giá cả khuyến khích sản phẩm chất lượng cao sẽ góp phần quyết định chất lượng sản phẩm chè.

Nâng cao CLSP chè là việc làm đòi hỏi nhiều biện pháp tổng hợp, cả khoa học kỹ thuật, cả kinh tế và xã hội, không nên coi trọng hoặc xem nhẹ khâu nào.

— Làm tốt công tác quản lý kỹ thuật. CLSP tự bản thân nó phản ánh việc thực hiện kỹ thuật có nghiêm túc hay không. Đề sản xuất ngày càng đi vào nề nếp, LHCXN chè cần xây dựng các văn bản quy định rõ quy trình kỹ thuật từ khi xây dựng cơ bản đến thâm canh, thu hái, chế biến, nhất là công nghệ chế biến cần được hợp lý hóa. Công tác quản lý kỹ thuật cần được làm tốt ở các nông trường quốc doanh, các HTX.

— Áp dụng TBKT. Trong xây dựng cơ bản cần áp dụng nhanh các TBKT: trồng chè bằng phương pháp dặm cành, sử dụng giống chè PH₁, sử dụng chất kích thích sinh trưởng kèm theo

(Xem tiếp trang 28)

những cuốn phim (chưa rửa) khi đi qua cửa khẩu chỉ cần rơi một chùm tia X hoặc gamma vào. Người ta còn dùng chất phóng xạ để đánh dấu chính xác vị trí các công trình ngầm...

Tuy nhiên, sức thuyết phục của nó, chính là ở hiệu quả giải quyết các mục tiêu, nhiệm vụ do thực tế sản xuất và đời sống đặt ra.

Hiện nay, chúng ta đã có đội ngũ cán bộ chuyên môn khá đông, đã có khá đầy đủ trang thiết bị cần thiết. Vấn đề là cần có sự cộng tác của nhiều cán bộ khoa học, quản lý thuộc các lĩnh vực khác nhau để tìm ra những nhiệm vụ có thể giải quyết hiệu quả bằng phương pháp phóng xạ.

Trong điều kiện nước ta, nên đầu tư vốn, trang thiết bị và đào tạo cán bộ một cách đồng bộ và đúng đối tượng, một mặt ưu tiên vốn cho những cơ sở thực sự làm ăn có hiệu quả, mặt khác cần khuyến khích tìm kiếm vốn từ các hợp đồng kinh tế do kết quả của việc áp dụng phương pháp phóng xạ đem lại.

Nên chú ý đào tạo những cán bộ có kinh nghiệm, lâu năm, thực sự làm việc và yêu ngành nghề.

Đối với nước ta, nên ưu tiên phát triển những kỹ thuật thích hợp nhằm tăng năng xuất lao động, giảm nhập khẩu, tăng xuất khẩu, ví dụ như các kỹ thuật về phân tích, đặc biệt là phân tích nhanh tại hiện trường, sản xuất các loại mẫu chuẩn, kiểm tra không phá mẫu, điều khiển tự động, đồng vị đánh dấu, chiếu xạ và kỹ thuật detector vết để tìm kiếm uran-dưới sâu, xác định tuổi địa chất, dự báo động đất, tìm kiếm nước khoáng, các nguồn địa nhiệt, dầu khí...

Gần đây do những cuộc tranh luận trong quần chúng rộng rãi về những vấn đề như thử

bom nguyên tử, mưa phóng xạ, các vụ tai nạn nhà máy điện nguyên tử, việc dùng tia X trong y học nên vấn đề an toàn phóng xạ đều được mọi người quan tâm hơn. Tia phóng xạ có thể hủy hoại nghiêm trọng các hệ sinh vật khi bị chiếu với liều lượng quá mức. Sự nguy hiểm có thể xảy ra đối với người làm việc với những chất phóng xạ, đó là một vấn đề nghiêm trọng và trong một số trường hợp đã hạn chế nhiều lĩnh vực áp dụng của phương pháp này.

Phải tiến hành nghiên cứu một cách toàn diện xuất phát từ lý thuyết cơ bản đến xây dựng mô hình, thử nghiệm trong phòng thí nghiệm rồi mới áp dụng rộng rãi ra hiện trường và cần phải quan tâm thích đáng đến điều kiện địa chất, nhiệt đới, gió mùa của nước ta, mới áp dụng có kết quả.

Khi áp dụng phương pháp phóng xạ cần giải bài toán chọn nguồn đồng vị tối ưu bao gồm chọn loại đồng vị, chu kỳ, bán rã, năng lượng, cường độ thích hợp để bảo đảm an toàn phóng xạ mà vẫn giải quyết được nhiệm vụ đề ra.

Phương pháp phóng xạ đã được áp dụng và đã đem lại hiệu quả kinh tế to lớn, nhưng trong cơ chế quan liêu bao cấp, cán bộ lãnh đạo thường ít quan tâm đến hiệu quả kinh tế, ngại độc hại... do đó kỹ thuật này ít được áp dụng. Mặt khác do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chế độ bồi dưỡng, bảo hộ phóng xạ chưa được quan tâm thích đáng. Trong sự đổi mới tư duy kinh tế lấy hiệu quả làm chính, chắc chắn phương pháp phóng xạ sẽ được áp dụng rộng rãi hơn.

Biên tập: Nguyễn Đức Tri

PHÁT TRIỂN CÂY CHÈ...

(Tiếp theo trang 23)

chăm bón bổ sung dinh dưỡng kịp thời và thu hái sản phẩm đúng kỹ thuật.

— Bố trí vùng nguyên liệu mới cho hợp lý, ưu tâm hơn nữa đến quy hoạch tổng thể. Trong vùng chè cũ có nên chăng bố trí thêm cơ sở chế biến chè, nếu không nhập ngoại được dây chuyền chế biến chè loại nhỏ mà Liên hiệp các xí nghiệp công nghiệp chè Việt Nam đã chế tạo được. Xây dựng được thêm cơ sở chế biến chè thì vừa tận dụng được năng suất và vừa tăng thêm chất lượng chè. Trong bố trí vùng nguyên liệu nên lưu ý về đường xá vận chuyển vì trên cả nước, nhất là vùng biên giới, đường xá đã và đang xuống cấp nghiêm trọng nên việc vận chuyển càng khó khăn.

— Phát triển mặt hàng thế mạnh của Hoàng Liên Sơn, đó là chè đặc sản Việt Nam: chè san

Suối Giàng, chè vàng, chè đặc biệt, các loại chè này Tỉnh đã sản xuất bán sang Hồng Kông, Pháp, Xingapo... Giá trị hơn chè đen xuất khẩu nhiều. Thế mạnh này lâu nay không được chú ý nên đã ngày càng mai một. Hướng hợp tác với Liên Xô nhằm phát huy thế mạnh về vốn đầu tư và tiêu thụ sản phẩm nhưng hướng phát triển chè đặc sản cho phép tăng giá trị sản phẩm xuất khẩu và thu ngoại tệ mạnh cho đất nước.

Cây chè, một thế mạnh phát hiện của tỉnh Hoàng Liên Sơn. Đây là một việc không đơn giản mà nó khá phức tạp. Vấn đề chính sách đối với người sản xuất là quyết định. Không có chính sách hợp lý thì không những cây chè không phát triển được mà có khi còn bị tàn lụi đi.